TÁC ĐỘNG CỦA BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP VÀ CHI PHÍ SINH HOẠT KHÔNG GIAN ĐẾN TỶ LỆ NGHÈO: THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM

● TRẦN ÂN NGUYÊN[1] - ĐỖ THỊ HÀ THƯƠNG[1]
[1]Khoa Tài chính, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này phân tích tác động của bất bình đẳng thu nhập và chi phí sinh hoạt theo không gian đến tỷ lệ nghèo cấp tỉnh tại Việt Nam, sử dụng dữ liệu của 63 tỉnh/thành phố giai đoạn 2020-2024. Kết quả thực nghiệm cho thấy, tỷ lệ nghèo có mối quan hệ cùng chiều với bất bình đẳng thu nhập và chi phí sinh hoạt; trong khi đó, nhập bình quân đầu người, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), số doanh nghiệp hoạt động, tuổi thọ trung bình, tỷ lệ hộ sở hữu nhà ở và tỷ lệ thất nghiệp có tác động giảm nghèo đáng kể. Các phát hiện này mang lại hàm ý chính sách quan trọng, góp phần định hướng các biện pháp giảm bất bình đẳng thu nhập, thu hẹp chênh lệch chi phí sinh hoạt và thúc đẩy tăng trưởng, phát triển bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: tỷ lệ nghèo, bất bình đẳng thu nhập, chi phí sinh hoạt theo không gian.

1. Đặt vấn đề

Sự giàu có hay nghèo đói của mỗi cá nhân phụ thuộc vào thu nhập và mức chi tiêu. Chuliang Luo và cộng sự (2020) chỉ ra rằng bất bình đẳng thu nhập là nguyên nhân chính gây nghèo đói và tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này bỏ qua sự khác biệt không gian về chi phí sinh hoạt. Nghiên cứu này sử dụng khái niệm nghèo đa chiều theo chuẩn của Việt Nam, tập trung đo lường chênh lệch chi phí sinh hoạt giữa các vùng miền của Việt Nam và đánh giá tác động của chúng đối với tỷ lệ nghèo đói theo tỉnh/thành. Nghiên cứu đặt ra hai câu hỏi thực nghiệm chính:

(1) Bất bình đẳng thu nhập có tương quan dương với nghèo đói không?

(2) Chi phí sinh hoạt theo không gian có tương quan dương với nghèo đói không?

Để trả lời hai câu hỏi này, nghiên cứu sử dụng dữ liệu cấp tỉnh của Việt Nam giai đoạn 2019-2023 và áp dụng mô hình Hồi quy tuyến tính tổng quát (GLM) nhằm phản ánh chính xác mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập, chi phí sinh hoạt và tỷ lệ nghèo. Cách tiếp cận này giúp khắc phục hạn chế của các mô hình truyền thống. Đồng thời, cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới về tác động kết hợp của yếu tố kinh tế và không gian đến nghèo đói ở Việt Nam.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Cơ sở lý thuyết

Thuyết thiếu hụt tương đối (Relative Deprivation Theory): Theo Junius A. Davis (1959), nghèo đói không chỉ phụ thuộc vào thu nhập tuyệt đối mà còn vào vị thế tương đối trong xã hội. Khi bất bình đẳng thu nhập và chênh lệch chi phí sinh hoạt vùng gia tăng, người thu nhập thấp cảm nhận sự thiếu hụt tương đối mạnh hơn, làm gia tăng nghèo đói.

Thuyết vốn nhân lực (Human Capital Theory): Được giới thiệu bởi Gary S. Becker (1993), lý thuyết cho rằng, đầu tư vào giáo dục và đào tạo giúp nâng cao năng suất lao động, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và giảm nghèo. Tuy nhiên, theo Yunpeng Sun et al. (2023), chênh lệch thu nhập và chi phí sinh hoạt vùng có thể làm suy yếu tác động tích cực của vốn nhân lực, khiến bất bình đẳng xã hội và nghèo đói gia tăng dù trình độ học vấn được cải thiện.

2.2. Bất bình đẳng thu nhập và nghèo đói

Ilaria Benedetti & Crescenzi (2023) tìm thấy tương quan cùng chiều giữa bất bình đẳng và nghèo đói. Edward Anderson (2020) cho thấy, nghèo có thể giảm ngay cả khi bất bình đẳng tăng, do tăng trưởng không đồng đều giữa các khu vực.

Giả thuyết 1 (H1): Có mối quan hệ dương giữa bất bình đẳng thu nhập và nghèo đói.

2.3. Chi phí sinh hoạt theo không gian và nghèo đói

Chi phí sinh hoạt theo không gian (Spatial Cost of Living - SCOLI) phản ánh sự khác biệt giá hàng hóa và dịch vụ giữa các tỉnh, thành hoặc vùng trong cùng một quốc gia. Martina Menon và cộng sự (2023) chỉ ra rằng, nếu không tính đến SCOLI, việc đo lường nghèo đói và bất bình đẳng có thể bị sai lệch, vì người dân ở vùng có chi phí cao chịu áp lực lớn hơn dù thu nhập danh nghĩa tương đương.

Giả thuyết 2 (H2): Có mối quan hệ dương giữa chi phí sinh hoạt theo không gian và nghèo đói.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Tổng cục Thống kê Việt Nam và Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm 63 tỉnh, thành phố giai đoạn 2020-2024. Mẫu nghiên cứu gồm 309 quan sát.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Chúng tôi kế thừa phương pháp của Themoi Demsou (2023) để xem xét mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập (GINI) và nghèo đói (POV).

$$POV_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 GINI_{i,t} + \sum\beta_q control_{i,t} + \mu_{i,t} \quad (1)$$

Theo Michael Poku-Boansi et al. (2020), nghèo đói có xu hướng giảm khi chi phí sinh hoạt vùng tăng lên. Do đó, chúng tôi tiếp tục phân tích tác động của chi phí sinh hoạt vùng miền (SCOLI) đến nghèo đói thông qua mô hình (2):

$$POV_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 SCOLI_{i,t} + \sum\beta_q control_{i,t} + \mu_{i,t} \quad (2)$$

Trong mô hình (3), chúng tôi kết hợp bất bình đẳng thu nhập (GINI) và chi phí sinh hoạt vùng (SCOLI) để đánh giá ảnh hưởng đồng thời của hai yếu tố này đến nghèo đói (POV):

$$POV_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 GINI_{i,t} + \beta_2 SCOLI_{i,t} + \sum\beta_q control_{i,t} + \mu_{i,t} \quad (3)$$

Martina Menon et al. (2023) cho rằng, khi đưa giá sinh hoạt vùng vào mô hình, sự khác biệt về nghèo tương đối và bất bình đẳng thu nhập gần như biến mất. Bên cạnh đó, Christopher Timmins (2006) chỉ ra, khi chi phí sinh hoạt địa phương không được tính đến đầy đủ, bất bình đẳng thu nhập có thể gia tăng ngay cả khi nghèo đói giảm. Do đó, chúng tôi thêm biến tương tác GINISCOLI vào mô hình hồi quy nhằm làm rõ vai trò điều tiết của chi phí sinh hoạt vùng trong mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và nghèo đói giữa các tỉnh ở Việt Nam. Mô hình mở rộng được thể hiện như sau:

$$POV_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 GINI_{i,t} + \beta_2 SCOLI_{i,t} + \beta_3 GINISCOLI_{i,t} + \sum\beta_q control_{i,t} + \mu_{i,t} \quad (4)$$

Tất cả các định nghĩa về biến được trình bày trong Phụ lục A.

3.3. Phương pháp ước lượng

Ước lượng mô hình hồi quy OLS FEM REM và kiểm định lựa chọn mô hình phù hợp. Các kiểm định phương sai thay đổi và nội sinh được tiến hành sau đó để đảm bảo độ tin cậy của mô hình. Mô hình FGLS và GMM lần lượt được áp dụng trong trường hợp mô hình gặp khuyết tật.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả *(Bảng 1)*

4.2. Ma trận tương quan Pearson *(Bảng 2)*

4.3. Kết quả mô hình hồi quy

Trong nghiên cứu của chúng tôi về mối quan hệ giữa nghèo đói, chỉ số sản xuất công nghiệp và bất bình đẳng thu nhập, kiểm định Hausman và kiểm định Redundant được sử dụng để xác định phương pháp ước lượng tốt nhất. Sau khi tiến hành các kiểm định này, chúng tôi thấy FEM là phương pháp phù hợp nhất cho nghiên cứu. Kết quả cho thấy, nghèo đói (POV) chịu tác động tích cực từ bất bình đẳng thu nhập (GINI). Tuy nhiên, kiểm định Breusch-Pagan chỉ ra rằng, ước lượng FEM vi phạm giả định phương sai đồng nhất. Theo Greene (2005), FEM trở nên kém hiệu quả do vấn đề này và do ảnh hưởng của tham số ngẫu nhiên cục bộ. Do đó, nghiên cứu áp dụng phương pháp hồi quy mô hình tuyến tính tổng quát (GLM) theo Kateri (2014) nhằm khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi. (Bảng 3)

4.4. Thảo luận kết quả

Nghiên cứu cho thấy, bất bình đẳng thu nhập (GINI) và nghèo đói (POV) có mối quan hệ dương: khi GINI tăng 1 điểm phần trăm, nghèo đói tăng 19,72 đơn vị. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước (Benedetti & Crescenzi, 2023) và ủng hộ lý thuyết thiệt thòi tương đối, đồng thời xác nhận giả thuyết 1.

Ngoài ra, chi phí sinh hoạt theo không gian (SCOLI) cũng có tác động tích cực đến nghèo đói: tăng 1 điểm Z-score của SCOLI làm POV tăng 52,44%, cho thấy các tỉnh có chi phí sinh hoạt cao thường có tỷ lệ nghèo cao hơn, phù hợp với Erik Meij và cộng sự (2020) và giả thuyết 2. Biến tương tác GINI*SCOLI cũng cho thấy tác động cùng chiều với nghèo đói, hàm ý rằng kết hợp giữa bất bình đẳng thu nhập và chi phí sinh hoạt cao càng làm trầm trọng thêm nghèo đói, phù hợp với lý thuyết vốn con người và thiệt thòi tương đối.

Bảng 1. Thống kê mô tả

	Giá trị trung bình	Trung vị	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn	Số quan sát
POV	7.765502	5.000000	37.38000	0.000000	8.579798	309
GINI	0.359591	0.357000	0.497750	0.229450	0.056546	309
SCOLI	93.22310	93.21000	100.0000	87.18250	2.440218	309
PCI	1920.475	1890.419	3680.378	808.2074	595.7300	309
ACTBUS	12838.33	4843.000	244899.6	659.5500	36106.34	309
FDI	439.7315	82.41000	5104.997	0.000000	891.6041	309
AGE	73.32400	73.74000	76.57400	66.65500	2.303132	309
HOUSE	91.45798	95.80000	100.0000	60.28900	10.32441	309
UNE	2.397968	2.190000	7.904000	0.330000	1.386615	309

*Lưu ý: Ký hiệu ***, **, * thể hiện mức ý nghĩa lần lượt là 1%, 5% và 10%.*

Bảng 2. Ma trận tự tương quan

	GINI	SCOLI	PCI	ACTBUS	FDI	AGE	HOUSE	UNEMPL	VIF
GINI	1.000								

SCOLI	0.055	1.000							1.460
PCI	-0.560***	0.147**	1.000						2.774
ACTBUS	-0.203***	0.469***	0.361***	1.000					2.526
FDI	-0.281***	0.387***	0.482***	0.745***	1.000				2.648
AGE	-0.593***	-0.076	0.728***	0.284***	0.375***	1.000			2.849
HOUSE	-0.471***	0.067	0.467***	0.207***	0.283***	0.319***	1.000		1.431
UNEMPL	-0.147**	0.061	0.211***	0.138**	0.059	0.316***	0.081	1.000	1.154

*Lưu ý: Ký hiệu ***, **, * thể hiện mức ý nghĩa lần lượt là 1%, 5% và 10%.*

Bảng 3. Kết quả hồi quy GLM

Biến	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4
GINI	19.7203***		17.2302***	-397.0136***
SCOLI		0.5244***	0.4871***	-1.1151**
GINI*SCOLI				4.4557***
PCI	-0.0027***	-0.0029***	-0.0028***	-0.0029***
ACTBUS	-0.2242	-0.6759**	-0.6389**	-0.4074
FDI	-0.2563**	-0.2707***	-0.2558**	-0.2329**
AGE	-1.2204***	-1.1588***	-1.0184***	-1.0223***
HOUSE	-0.1323***	-0.1411***	-0.1129***	-0.1174***
UNE	-0.5285***	-0.5762***	-0.6047***	-0.5321***
Akaike info criterion	0.7688	5.02371	4.9738	4.9446
Hannan-Quinn criter.	5.1151	5.0668	5.0668	4.9984
Prob (LR-statistic)	(<0.0001)	(<0.0001)	(<0.0001)	(<0.0001)
Pearson statistic	9.0641	8.6364	8.1850	7.9202
N	268	268	268	268

*Lưu ý: Ký hiệu ***, **, * thể hiện mức ý nghĩa lần lượt là 1%, 5% và 10%.*

Ngược lại, thu nhập bình quân đầu người (PCI), doanh nghiệp đang hoạt động (ACTBUS), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tuổi thọ trung bình (AGE) và tỷ lệ hộ có nhà ở (HOUSE) đều có tác động âm đến nghèo đói, nghĩa là nghèo giảm khi các yếu tố này tăng lên. Kết quả này phù hợp với Nguyen Dinh Tuan (2022).

Đáng chú ý, tỷ lệ thất nghiệp (UNE) lại cho thấy quan hệ âm với nghèo đói, trái ngược với thông lệ. Nguyên nhân được cho là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khiến nhiều lao động rời thành phố về quê làm việc phi chính thức - nhóm này không được thống kê là thất nghiệp, khiến số liệu bị sai lệch.

5. Kết luận và một số hàm ý chính sách

Nghiên cứu này mang tính độc đáo, vì là nghiên cứu đầu tiên xem xét liệu bất bình đẳng thu nhập và chi phí sinh hoạt theo không gian có ảnh hưởng đến nghèo đói tại Việt Nam hay không. Dữ liệu được thu thập từ Tổng cục Thống kê Việt Nam và mô hình Tuyến tính Tổng quát (GLM) được sử dụng để phân tích dữ liệu bảng không cân bằng gồm 268 quan sát theo năm trong giai đoạn 2019-2023.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, bất bình đẳng thu nhập làm gia tăng nghèo đói, đồng thời tồn tại mối quan hệ dương giữa chỉ số GINI và nghèo đói, hàm ý rằng mức độ bất bình đẳng cao hơn sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo. Ngoài ra, chi phí sinh hoạt theo không gian cũng có tác động tích cực đến nghèo đói và tác động đồng thời của bất bình đẳng thu nhập và chi phí sinh hoạt càng làm gia tăng mức độ nghèo. Nghiên cứu cũng chỉ ra mối quan hệ tuyến tính giữa bất bình đẳng thu nhập và nghèo đói.

Kết quả nghiên cứu cung cấp hàm ý chính sách quan trọng giúp các nhà hoạch định hiểu rõ hơn về tác động của bất bình đẳng thu nhập và chi phí sinh hoạt đến nghèo đói. Để giảm chênh lệch thu nhập và thu hẹp khoảng cách chi phí sinh hoạt giữa các tỉnh, chính phủ cần thiết kế các chương trình và chính sách hỗ trợ người nghèo hiệu quả hơn. Cụ thể, mở rộng các chương trình hỗ trợ thu nhập, như trợ cấp tiền mặt, hỗ trợ xã hội hoặc thu nhập tối thiểu bảo đảm, nhằm giúp đỡ các hộ nghèo về tài chính; Áp dụng chính sách thuế lũy tiến, chuyển nguồn lực từ người giàu sang người nghèo, đồng thời tăng đầu tư vào phúc lợi xã hội, hạ tầng và dịch vụ công tại các khu vực có tỷ lệ nghèo cao; Phát triển các chương trình nhà ở giá rẻ, như kiểm soát giá thuê, nhà ở xã hội hoặc phiếu hỗ trợ thuê nhà, giúp giảm chênh lệch chi phí sinh hoạt giữa các tỉnh; Đầu tư vào giáo dục và đào tạo kỹ năng nghề, hỗ trợ người dân ở tỉnh nghèo nâng cao trình độ và khả năng tiếp cận việc làm có thu nhập cao hơn; Khuyến khích phát triển doanh nghiệp địa phương, công nghiệp nhỏ và các chương trình khởi nghiệp, thúc đẩy tạo việc làm, gia tăng vốn xã hội và giảm nghèo bền vững. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng cũng góp phần tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm.

Nghiên cứu tồn tại một số hạn chế. *Thứ nhất,* dữ liệu chỉ phản ánh bối cảnh Việt Nam, nên kết quả có thể không khái quát cho các quốc gia khác. *Thứ hai,* Việt Nam là nước đang phát triển với tỷ lệ lao động phi chính thức cao, nên kết quả có thể không phù hợp với các nền kinh tế phát triển. Do đó, nhóm tác giả đề xuất thực hiện nghiên cứu so sánh xuyên quốc gia trong tương lai nhằm hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập, chi phí sinh hoạt và nghèo đói ■

PHỤ LỤC:

Biến nghiên cứu	Ký hiệu	Đo lường
Tỷ lệ nghèo đa chiều	POV	$POV = \frac{\text{Số hộ nghèo đa chiều}}{\text{Tổng số hộ dân}}$

Biến nghiên cứu	Ký hiệu	Đo lường
Bất bình đẳng thu nhập	GINI	$GINI = 1 - \sum_{i=1}^{n} (F_i - F_{i-1})^*(Y_i + Y_{i-1})$ F_i : tỷ lệ dân số cộng dồn đến người thứ i Y_i : tỷ lệ thu nhập cộng dồn đến người thứ i
Chỉ số chi phí sinh hoạt theo không gian	SCOLI	% mức thay đổi chi phí sinh hoạt giữa các vùng, các tỉnh trong một năm so với Hà Nội
Thu nhập bình quân đầu người	PCI	$PCI = \frac{\text{Tổng thu nhập tỉnh i trong năm t}}{\text{Tổng số dân tỉnh i trong năm t}}$
Số doanh nghiệp	ACTBUS	Logarit tự nhiên của số lượng doanh nghiệp đang hoạt động tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo từng tỉnh.
Đầu tư trực tiếp nước ngoài	FDI	Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng so với tổng GDP
Tuổi thọ	AGE	Tuổi thọ trung bình theo từng tỉnh
Nhà	HOUSE	$HOUSE = \frac{\text{Tổng hộ dân có nhà của tỉnh i trong năm t}}{\text{Tổng hộ dân của tỉnh i trong năm t}}$
Tỷ lệ thất nghiệp	UNE	$UNE = \frac{\text{Tổng số người thất nghiệp}}{\text{Tổng lực lượng lao động}}$

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Becker, G. S. (1993). Human Capital: A Theoretical and Empirical Analysis, with Special Reference to Education. Chicago: University of Chicago Press. Available at http://dx.doi.org/10.7208/chicago/9780226041223.001.0001

Christopher Timmins (2006). Estimating spatial differences in the Brazilian cost of living with household location choices. Journal of Development Economics. 80(1), 59-83, Available at https://doi.org/10.1016/j.jdeveco.2005.02.006

Chuliang Luo, Shi Li, Terry Sicular (2020). The long-term evolution of national income inequality and rural poverty in China. China Economic Review, 62. Available at https://doi.org/10.1016/j.chieco.2020.101465

Davis, J.A. (1959). A Formal Interpretation of the Theory of Relative Deprivation. Sociometry, 22(4), 280–296

Edward Anderson (2020). The impact of trade liberalization on poverty and inequality: Evidence from CGE models. Journal of Policy Modeling, 42(6): 1208-1227. Available at https://doi.org/10.1016/j.jpolmod.2020.05.006

Erik Meij, Tialda Haartsen, Louise Meijering (2020). Everywhere they are trying to hide poverty. I hate it!: Spatial practices of the urban poor in Calgary, Canada. Geoforum, 117, 206-215. Available at https://doi.org/10.1016/j.geoforum.2020.10.002

Greene, W. (2005). Fixed and Random Effects in Stochastic Frontier Models. Journal of Productivity Analysis, 23, 7-32. Available at https://doi.org/10.1007/s11123-004-8545-1

Ilaria Benedetti, Federico Crescenzi (2023). The role of income poverty and inequality indicators at regional level: An evaluation for Italy and Germany. Socio-Economic Planning Sciences, 87. Available at https://doi.org/10.1016/j.seps.2023.101540

Kateri, M. (2014). Generalized Linear Models and Extensions, In: Contingency Table Analysis, Statistics for Industry and Technology. New York: Birkh-user. Available at https://doi.org/10.1007/978-0-8176-4811-4_5

Martina Menon, Federico Perali, Ranjan Ray et al. (2023). Heterogeneity in prices and cost of living within a country: New evidence on the north-south divide in Italy. Economic Modelling. 126. Available at https://doi.org/10.1016/j.econmod.2023.106401

Nguyen, Dinh Tuan (2022). Multidimensional poverty and human development of Vietnam in comparison with some Southeast Asian countries. The Russian Journal Of Vietnamese Studies. 6(1), 40-51. Available at https://doi.org/10.54631/VS.2022.61-105388

Themoi Demsou (2023). Gini index decomposition by deprivation in multidimensional poverty: evidence from Chad. Gaceta Sanitaria. 37. Available at https://doi.org/10.1016/j.gaceta.2023.102299

Yunpeng Sun, Wenjuan Tian, Usman Mehmood et al. (2023). How do natural resources, urbanization, and institutional quality meet with ecological footprints in the presence of income inequality and human capital in the next eleven countries?. Resources Policy. 85. Available at https://doi.org/10.1016/j.resourpol.2023.104007

Ngày nhận bài: 1/8/2025
Ngày phản biện và sửa chữa: 21/8/2025
Ngày chấp nhận đăng bài: 10/9/2025

IMPACT OF INCOME INEQUALITY AND SPATIAL COST OF LIVING ON POVERTY: EMPIRICAL EVIDENCE IN VIETNAM

● **TRAN AN NGUYEN**[1]
● **DO THI HA THUONG**[1]
[1]Faculty of Finance,
Ho Chi Minh City University of Banking

ABSTRACT:

This study examines the effects of spatial income inequality and cost of living on provincial poverty rates in Vietnam, using panel data from 63 provinces and cities for the period 2020–2024. The empirical findings indicate that poverty rates are positively associated with both income inequality and higher living costs. In contrast, per capita income, foreign direct investment (FDI), the number of operating enterprises, average life expectancy, the homeownership rate, and the unemployment rate significantly contribute to poverty reduction. These results provide important policy implications, highlighting the need to address disparities in income distribution and living costs while promoting inclusive growth and sustainable development across provinces in Vietnam.

Keywords: povety, income inequality, spartial cost of living.